

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

CÁC QUAN ĐIỂM VỀ TÔN GIÁO DÂN SỰ

NGUYỄN XUÂN NGHĨA^(*)

Phải nói ngay khái niệm "tôn giáo dân sự" (civil religion) là một khái niệm của khoa học xã hội Phương Tây - đặc biệt là của xã hội học và chính trị học. Nhưng trong thời gian gần đây cũng được các nhà khoa học xã hội Việt Nam, như Đặng Nghiêm Vạn⁽¹⁾, Đỗ Quang Hưng⁽²⁾, đề cập đến. Mặc dù còn nhiều tranh luận, các nhà nghiên cứu đồng ý sự tồn tại của tôn giáo dân sự là một nét đặc trưng của xã hội Mỹ. Do đó, tìm hiểu khái niệm này chỉ ít cũng giúp ta hiểu được nếp nghĩ của người Mỹ về tương quan giữa tôn giáo và chính trị, giữa tôn giáo và xã hội. Hơn thế nữa, tôn giáo dân sự còn phản ánh kết cấu xã hội Mỹ. Ngày nay, khái niệm tôn giáo dân sự không còn bó hẹp trong khuôn khổ xã hội và văn hóa Mỹ, mà được các nhà khoa học xã hội sử dụng để tìm hiểu một trong những thành tố nhằm xây dựng căn tính (identity) của một dân tộc nhất định.

1. Sự hình thành và những đặc điểm của khái niệm tôn giáo dân sự quan điểm của J.J. Rousseau và R. Bellah

Tác giả đã sử dụng khái niệm này để giải thích các hiện tượng tôn giáo một cách hệ thống là R. Bellah⁽³⁾. Nhưng chính ông cũng thừa nhận người đầu

tiên sử dụng khái niệm này với một nội hàm khá rõ chính là Jean Jacques Rousseau.

1.1. Trong cuốn *Về khế ước xã hội* (Du contrat social, 1762), sách IV, chương 8 với nhan đề *Về tôn giáo dân sự*⁽⁴⁾, Rousseau giải thích sự cần thiết của tôn giáo dân sự này: "Việc cần thiết cho nhà nước là mỗi công dân có một tôn giáo, nó làm cho người công dân yêu mến những nghĩa vụ của mình. Nhưng các tín điều của tôn giáo này không liên quan đến nhà nước và các thành viên của nhà nước cũng như những tín điều này chỉ liên quan đến đạo đức và những nghĩa vụ mà người thực hành tôn giáo này phải thực hiện với người khác..." (tr. 184). Rousseau cũng vạch ra các tín điều đơn giản của

*. TS., Đại học Mở, Tp. Hồ Chí Minh.

1. Đặng Nghiêm Vạn (cb). *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Hà Nội, Nxb. Khoa học Xã hội, 1996.

2. Đỗ Quang Hưng. *Vấn đề công nhận các tổ chức tôn giáo tiếp cận so sánh: Trường hợp Việt Nam*, Tạp chí *Khoa học Xã hội*, số 50, tháng 5/2007.

3. R. Bellah. *Civil Religion in America*, Journal of the American Academy of Arts and Sciences, from the issue entitled, "Religion in America," Winter 1967, Vol. 96, No. 1, pp. 1-21.

4. Jean Jacques Rousseau. *Du contrat social ou Principes du droit politique*, Paris, Librairie de la Bibliothèque Nationale, 1894.

tôn giáo này: 1) tin vào sự tồn tại của một Chúa Trời (Divinité) toàn năng, thông minh, nhân từ; 2) tin vào đời sau; 3) tin người công chính sẽ được hạnh phúc, kẻ gian ác sẽ bị trừng phạt; 4) tin vào tính thánh thiện của khế ước và luật pháp. Đó là những tín điều tích cực. Còn với tôn giáo này, một tín điều tiêu cực, một cấm đoán duy nhất là sự bất khoan dung (intolérance) (tr.185-186). Rousseau cũng nhấn mạnh "Không có và không thể có một quốc giáo mang tính loại trừ (Religion nationale exclusive). Người ta phải khoan dung với bất cứ tôn giáo nào, khoan dung với kẻ khác, chừng nào các tín điều của những tôn giáo này không có điều gì đối nghịch với các nghĩa vụ của công dân" (tr. 187).

Sau khi lật chế độ cũ (Ancienne Régime), những nhà cách mạng Pháp 1789, muốn thiết lập một tôn giáo dân sự ở Pháp, nhưng ý định này thất bại. Thất bại do không thể "quốc hữu hoá" Giáo hội Công giáo Pháp, thất bại do việc không biến được việc "thờ Lí tính" (culte de la Raison) hay thờ "Hữu thể Tối cao" (Être Suprême của Robespierre) trở thành tôn giáo của toàn thể người Pháp, để từ đó có thể trở thành tôn giáo dân sự⁽⁵⁾.

1.2. Ngược lại, ở Mỹ, các cha đẻ của Hợp Chúng Quốc trong thời gian đấu tranh giành được độc lập từ đế quốc Anh, chịu ảnh hưởng mạnh tư tưởng (hoặc có những nét tương đồng do cùng thời đại) của các nhà tư tưởng thời Khai sáng, trong đó có Rousseau.

Vấn đề tôn giáo dân sự ở Mỹ được đặt ra, xuất phát từ việc muốn lí giải một mâu thuẫn, tại sao luật pháp của Mỹ

ngay từ thời giành độc lập đã đưa ra điều khoản phân li Nhà nước và Giáo hội qua điều một bổ sung Hiến pháp năm 1792 "*Quốc hội không được đưa ra những đạo luật về việc chính thức hóa (establishment) một tôn giáo hay cấm đoán quyền tự do tôn giáo*" điều này lẽ ra phải làm giảm sút vai trò của tôn giáo trong xã hội, trong khi đó người ta lại quan sát được một điều ngược lại, như Alexis de Tocqueville đã nhận thấy: "Tôi đặt cho mình câu hỏi tại sao càng làm giảm sức mạnh bên ngoài của một tôn giáo, mà lại làm tăng thêm được sức mạnh thực sự của nó"⁽⁶⁾.

Xã hội Mỹ chịu ảnh hưởng sâu đậm của tôn giáo. Mỗi buổi sáng, các học sinh Mỹ, cho dù gốc gác thế nào, đều phải tuyên thệ trung thành dưới cờ với câu: "Tôi thề trung thành với lá cờ Hợp Chúng Quốc và với Nhà nước Cộng hòa mà nó tiêu biểu cho một dân tộc dưới sự hiện diện của Chúa, với tự do và công bằng cho mọi người"⁽⁷⁾. Hoặc câu phổ biến "Chúng tôi tin vào Chúa" (In God We Trust) trên tờ giấy bạc đôla của Mỹ. Câu này cũng có trong quốc ca Hoa Kỳ và cũng được khắc lên bức tường Quốc hội. Hay câu "Vậy xin Chúa hãy giúp đỡ tôi"

5. Jean Baubérot. *Histoire de la laïcité en France*, PUF, Que sais-je?, 2004, pp. 5-19.

6. Alexis de Tocqueville. *De la Démocratie en Amérique*, 1835/1849, Bản dịch "*Nền Dân trị Mỹ*" của Phạm Toàn, Nxb. Tri thức, 2007, tr. 553.

7. Câu tuyên thệ đã có từ lâu, do mục sư baptít có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa Francis Bellamy (1855-1931) đặt ra. Nhưng cụm từ "với lá cờ Hợp Chúng Quốc" được đưa vào thêm năm 1923-1924 và cụm từ "một dân tộc dưới sự hiện diện của Chúa" (nation under God) chỉ được Tổng thống Eisenhower đưa vào năm 1954, theo ý tưởng của mục sư George Docherty (mất năm 2008).

(So help me God) là một câu mặc dù không bắt buộc trong các bài diễn văn nhậm chức tổng thống, nhưng không có tổng thống Mỹ nào - ngay cả Tổng thống Barack Obama - dám bỏ qua. Người Mỹ tin mình đang đeo đuổi một sứ mạng qua câu nói tiếng Latinh được khắc trên khuôn dấu: "Annuit Coeptis", có nghĩa "Thượng Đế tạo thuận lợi cho dự định của chúng ta". Cũng vậy, ta có thể liên tưởng đến các trích dẫn Kinh Thánh trên tượng đài của George Washington hay ở đài tưởng niệm Tổng thống Lincoln, được xem như là "vị giải phóng vĩ đại những người nô lệ". Như vậy, một trong các nét của tôn giáo dân sự ở Mỹ là đặt trọng tâm vào Chúa. Một số người quan niệm từ Chúa chỉ xuất hiện ở phần mở đầu và phần kết thúc các diễn văn hay tuyên ngôn, do đó chỉ có tính cách nghi lễ, nhưng Bellah khẳng định: "Cái mà người ta đề cập trong các dịp lễ tôn nghiêm cần được xem xét không chỉ ở bề mặt mà thường là những dấu chỉ thâm sâu của những giá trị và cam kết vốn không xuất hiện minh nhiên trong đời sống hàng ngày"⁽⁸⁾. Nhưng điều cần quan tâm, từ Chúa này trong các diễn văn chính thức của các tổng thống Mỹ không quy chiếu về vị Chúa của một tôn giáo cụ thể nào (ví dụ Jesus Christ (Giêsu Kitô) của Tin Lành giáo và Công giáo). "Một từ Chúa mà hầu hết mọi người Mỹ có thể chấp nhận nhưng có nhiều cách hiểu khác nhau nên có nhiều người cho đó là một dấu chỉ trống rỗng"⁽⁹⁾. Có thật sự là mơ hồ không? Hiểu được điều này là hiểu được phần nào tư duy của người Mỹ về sự phân li giữa nhà nước và giáo hội, nguyên tắc này đảm bảo tự do tín ngưỡng và tự do hành

đạo nhưng đồng thời xem lĩnh vực tôn giáo chủ yếu thuộc lĩnh vực lương tâm, có tính riêng tư, tách biệt khỏi chính trị. Các tổng thống Mỹ không đề cập đến một vị Chúa cụ thể của Tin Lành giáo hay Công giáo (trường hợp Tổng thống J. F. Kennedy) vì đây là niềm tin tôn giáo riêng tư của họ, của một giáo hội cụ thể, nó không liên quan trực tiếp đến việc điều hành đời sống công cộng. Nhưng "Nguyên tắc phân li nhà nước và giáo hội không bác bỏ lĩnh vực chính trị là một chiều kích tôn giáo"⁽¹⁰⁾.

Tôn giáo dân sự Mỹ không nhấn mạnh đến vị Chúa - mang tính thần học - vị Chúa của sự cứu độ, của tình thương, mà là vị Chúa của đoàn kết dân tộc, của trật tự, pháp luật, vị Chúa mang lại quyền cho con người.

Mọi tôn giáo đều gắn với các huyền thoại, với kinh sách, với các lãnh đạo có "hấp lực" (charismatic leaders), với niềm tin, biểu trưng, lễ thức. Các nét đặc trưng của tôn giáo hình thành dần qua lịch sử, mà ở Mỹ hai biến cố lớn định hình tôn giáo dân sự là cuộc Cách mạng 1787 và cuộc Nội chiến. Do ảnh hưởng truyền thống, ở tôn giáo dân sự Mỹ có những nguyên mẫu (archetypes) Kitô giáo. Người ta đã so sánh dân tộc Mỹ với dân tộc Israel xưa, Châu Âu tương tự miền đất lưu đày Ai Cập, Châu Mỹ là vùng đất hứa. Washington được xem như là Môisen đã đưa dân Mỹ ra khỏi sự độc tài lệ thuộc. Tuyên ngôn nhân quyền và Hiến pháp Mỹ được xem như sách thánh. Nếu cuộc Cách mạng đã nêu lên được lí tưởng tự do thì cuộc Nội chiến đã nêu rõ một lí

8,9,10. R. Bellah, 1967, *bdd*.

tưởng đấu tranh khác cho tôn giáo dân sự Mỹ là sự công bằng, bình đẳng của mọi người (chống lại chế độ nô lệ). Cái chết của A. Lincoln cho chính nghĩa này được liên tưởng đến cái chết của Đức Giêsu. Và người Mỹ tin rằng - cũng như dân Do Thái xưa - họ là "dân tộc được chọn" để rao giảng và đấu tranh cho lí tưởng tự do và bình đẳng.

Ở Mỹ có những nghĩa trang - như nghĩa trang Gettysburgh, Arlington - là nơi để tưởng niệm những người đã hi sinh trong cuộc Nội chiến, đồng thời để ghi nhớ việc tái sinh của đất nước và lời hứa về một cuộc sống lại sau khi chết. Về các ngày lễ dân sự, phải kể đến ngày lễ Tạ ơn (Thanksgiving) ngày lễ mà vị tổng thống đầu tiên theo yêu cầu của lưỡng viện Quốc hội đã lập ra năm 1789, được xem như là "ngày nhằm tạ ơn công cộng và để cầu nguyện", và phải kể đến ngày Tưởng niệm (Memorial day) xuất phát từ cuộc Nội chiến⁽¹¹⁾.

Bellah tóm tắt lại: "Cái khía cạnh tôn giáo công cộng này được biểu hiện trong một loạt niềm tin, biểu trưng và lễ thức mà tôi đang gọi là tôn giáo dân sự Mỹ". Sau này, Bellah bổ sung thêm vào: "Tôn giáo dân sự Mỹ là một tập hợp các niềm tin linh thiêng được định chế hóa về nhà nước Mỹ", hay "tôn giáo dân sự là những nguyên tắc siêu vượt lên nhà nước và biểu trưng một tiêu chuẩn cao hơn" theo đó người ta phán đoán nhà nước⁽¹²⁾. Như vậy, trong quan điểm của Bellah, tôn giáo dân sự là một tập hợp chung - mang tính hội nhập xã hội - các niềm tin vào những nguyên tắc và thực tại siêu vượt, dựa vào đó các kinh nghiệm lịch sử và

hành động của một quốc gia sẽ phải được đánh giá.

Trong tư tưởng của các nhà lãnh đạo đầu tiên xây dựng nước Mỹ non trẻ, như Franklin, Washington, Jefferson và những người khác - ngoại trừ một vài người cực đoan như Tom Paine - không có ý nghĩ muốn thay thế các tôn giáo cụ thể như Kitô giáo bởi tôn giáo dân sự mà thật ra có một sự phân công giữa hai loại hình tôn giáo này. Với nguyên tắc tự do tín ngưỡng và tự do hành đạo, luật pháp Mỹ dành một lĩnh vực to lớn của đạo đức cá nhân và hoạt động xã hội thiện nguyện cho các giáo hội cụ thể. Nhưng các giáo hội không được kiểm soát nhà nước và ngược lại. Các nhà lãnh đạo quốc gia, cho dù họ thuộc giáo hội nào, đều hoạt động và bị chi phối trong khuôn khổ của tôn giáo dân sự (như trường hợp của J. F. Kennedy là một tổng thống người Công giáo). Nhiều tác giả đánh giá cao sự thích nghi này - tôn giáo dân sự - là một nét độc đáo của "chủ nghĩa Mỹ" (Americanism)⁽¹³⁾ hay là một sản phẩm độc đáo của một thời điểm lịch sử kết hợp được văn hóa da dạn của các phái Tin Lành với tư tưởng Khai sáng (tinh thần phân li).

2. Các quan điểm nghiên cứu về tôn giáo dân sự ở Mỹ từ thập niên 1970 trở về sau

Nghiên cứu của Bellah dấy lên một phong trào nghiên cứu về tôn giáo dân

11. R. N. Bellah... 1967, bdd.

12. R. N. Bellah. *Beyond Belief*, New York, Harper, 1970, p. 168; R. N. Bellah, "American Civil Religion," in *American Civil Religion*, ed. R. E. Richey & D. G. Jones, New York: Harper, 1974, pp. 255-272.

13. W. H. Swatos. "Civil Religion" trong *Encyclopedia of Religion and Society*, AltaMira Press, 1998.

sự với các tác giả như Russell Richey với *American Civil Religion*, Harper, 1974; Philipp Hammond viết một tiểu luận về thư tịch tôn giáo dân sự; Gail Gehrig: *Tôn giáo dân sự Mỹ: một đánh giá* (1981); James Mathisen với "*Hai mươi năm sau Bellah: cái gì đã xảy ra cho tôn giáo dân sự Mỹ?*" (1989), v.v.⁽¹⁴⁾. Nhưng đặc biệt là những nghiên cứu thực nghiệm của Ronald Wimberley và các đồng sự.

Ronald Wimberley dựa trên quan niệm của Bellah về tôn giáo dân sự ở Mỹ như "là một tập hợp được định chế hóa các niềm tin linh thiêng về quốc gia Mỹ", trong một số công trình nghiên cứu với các tác giả khác, đã thao tác hóa khái niệm này qua một số mục (items), lập luận như sau: a) "Đối với tôi cờ Mỹ là linh thiêng"; b) "Mỹ là quốc gia ngày nay được Chúa chọn"; c) "Nhân quyền đến từ Chúa và không phải hoàn toàn từ pháp luật"; d) "Nếu chính quyền không hỗ trợ tôn giáo, chính quyền không thể duy trì đạo đức"; e) "Chúng ta phải kính trọng quyền lực của tổng thống vì nó đến từ Chúa"; f) "Công bằng xã hội không thể dựa trên luật mà nó phải đến từ tôn giáo"; g) "Có thể biết Chúa qua kinh nghiệm lịch sử của nhân dân Mỹ"... Dựa trên những lập luận này, Wimberley sử dụng phân tích nhân tố (factor analysis) để cho thấy tôn giáo dân sự là một thành tố văn hóa trong xã hội Mỹ. Các giáo phái có nguồn gốc từ Mỹ như Mormons, phái Cơ Đốc Phục Lâm, phái Ngũ Tuần có tính tôn giáo dân sự rất cao; về chỉ số này người Công giáo và Tin Lành giáo có chỉ số bằng nhau; trí thức và những người có tư tưởng phóng khoáng có chỉ số này không cao và thấp nhất là những người Do Thái, các tín đồ

của Giáo hội Thống Nhất (Unitarians) và những người không tôn giáo. Nhưng các nghiên cứu trên đưa đến kết luận đại bộ phận dân Mỹ chia sẻ những nguyên tắc, niềm tin của tôn giáo dân sự Mỹ⁽¹⁵⁾.

Các nghiên cứu cũng cho thấy tôn giáo dân sự là chỉ báo quan trọng để biết được việc ủng hộ các ứng cử viên tổng thống và lập trường đối với các chính sách xã hội. Tôn giáo dân sự là chỉ báo quan trọng hơn chỉ báo về sự trung thành với đảng phái trong việc tiên đoán sự ủng hộ ứng cử viên Nixon hay McGovern trong cuộc bầu cử năm 1972⁽¹⁶⁾. Cuộc nghiên cứu năm 1982 của Wimberley và Christenson cho thấy chỉ báo về tôn giáo dân sự chỉ đứng sau chỉ báo nghề nghiệp trong việc hiểu lập trường của quần chúng về các chính sách công⁽¹⁷⁾. Đồng thời cũng cho thấy tôn giáo dân sự không có xung đột với nguyên tắc phân li nhà nước và giáo hội⁽¹⁸⁾.

Nghiên cứu của Mathisen cho thấy việc nghiên cứu về tôn giáo dân sự có những cao trào và thoái trào⁽¹⁹⁾. Nhưng với quá trình toàn cầu hóa, việc đặt lại

14. P. E. Hammond. *The Sociology of American Civil Religion*, Sociological Analysis 37, 1976, pp.169-182; J. A. Mathisen, *Twenty Years After Bellah*, Sociological Analysis 50, 1989, pp.129-146.

15. R. C. Wimberley. *Testing the Civil Religion Hypothesis*, Sociological Analysis 37, 1976, pp. 341-352; J. A. Christenson and R. C. Wimberley, *Who Is Civil Religious?* Sociological Analysis 39, 1978, pp.77-83.

16. R. C. Wimberley. *Civil Religion and the Choice for President*, Social Forces 59, (1980), pp. 44-61.

17. R. C. Wimberley and J. A. Christenson. *Civil Religion, Social Indicators, and Public Policy*, Social Indicators Research 10(1982), pp. 211-213.

18. R. C. Wimberley and J. A. Christenson. *Civil Religion and Church and State*, Sociological Quarterly 21(1980), pp. 35-40.

19. Mathisen, *bđđ*, tr. 140.

vai trò của tôn giáo như một nét của căn tính dân tộc khơi mào lại cuộc tranh luận về tôn giáo dân sự. Theo nghiên cứu năm 2010 của McCartney và McNaught, tôn giáo dân sự Mỹ đang được phe bảo thủ chính trị Mỹ sử dụng để biện minh cho các chính sách của họ. Tôn giáo dân sự Mỹ gắn chặt với căn tính dân tộc Mỹ qua bốn chủ đề sau: 1) Về sứ mệnh của dân tộc Mỹ, làm gương và đấu tranh cho tự do, công bằng và bác ái; 2) Về đạo đức lao động của người Tin Lành giáo; 3) Về tính siêu vượt của "thị trường tự do" và 4) Về "thiên đàng đạo đức đã bị đánh mất" và vai trò của cánh hữu tôn giáo Mỹ. Chủ đề cuối này xuất hiện nhiều trong các diễn ngôn chính trị của cánh bảo thủ những năm gần đây. Theo họ tôn giáo dân sự của Mỹ giảm vai trò từ những năm 1970 với sự xuất hiện các nhóm văn hóa phản kháng (counterculture) như Hippie, Woodstock và những người chống đối chiến tranh Việt Nam. Trước sự kiện trên, cánh hữu tôn giáo trong chính trường Mỹ trở dậy với sự xuất hiện của tổ chức Đa số Đạo đức (Moral Morality) từ thời Tổng thống Reagan và Tổng thống Bush với nhiệm vụ phục hồi lại ảnh hưởng của tôn giáo trên các lĩnh vực của xã hội Mỹ⁽²⁰⁾.

3. Lối giải thích về tôn giáo dân sự Mỹ từ cái nhìn của các tác giả châu Âu.

Châu Âu, đặc biệt là Pháp - nơi đã xảy ra những xung đột gay gắt giữa Nhà nước và Giáo hội Công giáo - đã theo một mô hình nhà nước thế tục nghiêm ngặt, phân li giữa nhà nước và các giáo hội, do đó các học giả Pháp rất ngạc nhiên khi chứng kiến tổng thống Mỹ tuyên thệ trước Kinh Thánh và rất nhiều biểu hiện

của tôn giáo trong đời sống xã hội và chính trị Mỹ. Họ thường giải thích nền chính trị mang tính tôn giáo ở Mỹ là một lệch hướng đối với nguyên tắc thế tục. Trong thời gian gần đây nhiều nhà nghiên cứu Pháp bàn đến tôn giáo dân sự ở Mỹ, như các tác giả D. Lacorne, N. Guétin, C. Froidevaux-Metterie, S. Fath, J-P Willaime, J. Baubérot⁽²¹⁾.

Lacorne, một chuyên gia hàng đầu nghiên cứu Mỹ ở Pháp cho rằng nguyên tắc thế tục không thành công ở Mỹ do ảnh hưởng sâu đậm của các phái Tin Lành. Các tác giả như Guétin, Froidevaux-Metterie nhấn mạnh chủ nghĩa cứu thế trong tôn giáo dân sự Mỹ, điều này dẫn đến sự "ngạo mạn tinh thần" thể hiện qua các chính sách đối ngoại. Fath và Froidevaux-Metterie quan niệm tôn giáo dân sự không phải là một tôn giáo theo nghĩa hẹp mà với Fath nó như một loại hình lí tưởng (type idéal) theo quan niệm của M. Weber. Tuy nhiên, Froidevaux-Metterie còn nhận thấy ở Mỹ "tôn giáo dân sự thực hiện một sự phối hợp mong manh, nhưng đầy đủ giữa tinh

20. Paul T. McCartney, Mark B. Naught. *Who Mission? A comparison of French and US perspective on American Civil religion*, Air and Space Power Journal (ASPJ) – Africa & Francophonie, Winter, 2010, pp. 29-52.

21. Denis Lacorne. *De la religion en Amérique: Essai d'histoire politique*, Paris, Gallimard, 2007; Nicole Guétin. *Etats-Unis: Imposture messianique? Genèse et sources*, Paris, Harmattan, 2008; Camille Froidevaux-Metterie. *Politique et religion aux Etats-Unis*, Paris, La découverte, 2009; Sébastien Fath, *Dieu bénisse l'Amérique: La religion de la Maison-Blanche*, Paris, Seuil, 2004; Jean-paul Willaime. *Pour une sociologie transnationale de la laïcité dans l'ultramodernité contemporaine*, ASSR, 146, 2/2009; Jean Baubérot. *Pour une sociologie interculturelle et historique de la laïcité*, ASSR, 146, 2/2009.

thần của tôn giáo và tinh thần của tính thế tục. Tính tôn giáo công cộng qua đó tôn giáo dân sự biểu hiện thoả mãn khao khát đầu tiên, việc cố kết với mô hình quốc gia và nội dung hiến định của nó thoả mãn khát vọng thứ hai⁽²²⁾.

Fath đã dành một chương bàn về tôn giáo dân sự trong cuốn sách *Chúa chúc phúc cho nước Mỹ. Tôn giáo của Nhà trắng*⁽²³⁾, Fath đưa ra bốn nguyên tắc nền tảng của tôn giáo dân sự Mỹ: 1) Chính trị không phải là nơi của cái tuyệt đối. Nơi của cái tuyệt đối là siêu chính trị, nó có tính tôn giáo; 2) Tôn giáo dân sự tạo nên một khối kết nối xã hội vững chắc (chiều cạnh ngang), với điều kiện nó ít mang tính tôn giáo của một tôn giáo cụ thể (chỉ tin vào một đấng Tạo hóa của con người và không có các tín điều cụ thể). Nó là vectơ quy định xã hội dân sự qua chức năng đạo đức, chức năng liên đới...); 3) Tính tôn giáo này linh thiêng hóa sự đồng thuận xã hội (chiều cạnh đứng). Khi mà tôn giáo dân sự khá đồng thuận để sống chung với các tôn giáo tín ngưỡng đa dạng khác, nó tạo nên gạch nối tôn giáo và dân tộc được mọi người chia sẻ (Ví như "Chúng tôi tin vào Chúa"); 4) Có sự phân li giữa nhà nước và các tôn giáo nhưng không có chia tách giữa tôn giáo và chính trị. Fath thừa nhận người Mỹ nghiệm ngặt hơn người Pháp về nguyên tắc phân li (không tài trợ cho các trường tôn giáo). Nhưng họ lại hòa lẫn không chút mặc cảm tôn giáo và chính trị: tu sĩ có thể nói về chính trị và các chính trị gia có thể cầu nguyện nơi công cộng.

Cũng theo Fath, các nguyên tắc này biểu hiện qua các lễ nghi, chủ đề của các

diễn ngôn. Có thể nêu ra một số biểu hiện này: 1) Nhấn mạnh về niềm tin và cầu nguyện (ngày quốc gia cầu nguyện, cầu nguyện trước các buổi họp Quốc hội...); 2) Gọi lên gia sản tôn giáo từ thời lập quốc (vai trò quan trọng của các lễ trong năm như lễ Tạ ơn, ngày tưởng niệm...); 3) Chủ nghĩa cứu thế (messianisme), ý tưởng về một định mệnh rõ ràng, có nghĩa thiên chức phổ quát của nước Mỹ là quốc gia mang ngọn đuốc các giá trị (tự do, bình đẳng, bác ái...); 4) Chủ nghĩa lạc quan không lay chuyển được: nếu Chúa đã kí giao ước với nước Mỹ thì ngay ngày 11/9/2001 cũng được xem là "ngày của chiến thắng" - Billy Graham, vị mục sư được xem như là giáo hoàng của Mỹ, đã nói như vậy. Fath chia sự phát triển tôn giáo dân sự ở Mỹ thành ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất từ khi lập quốc cho đến những năm 1950. Đây là giai đoạn chính thống với việc nhấn mạnh hi vọng về một thế giới tốt hơn, một chủ nghĩa nhân bản và thái độ chừng mực trước sự hiện diện của một thực thể siêu việt. Giai đoạn hai từ những năm phát triển của các phái êvangêlít, nhấn mạnh đến cá nhân hơn là cơ chế và giai đoạn ba đánh dấu bởi biến cố 11-9-2001, mà Fath gọi là giai đoạn của "chủ nghĩa tân cứu thế mang tính thế tục" (néomessianisme séculier), giai đoạn mà Chúa Sam thay mặt Thượng Đế để giải quyết cái ác.

Mc. Cartney và Mc. Naught đã phê bình các tác giả Pháp có cái nhìn của những người đứng từ bên ngoài, nên thường thấy các khía cạnh tiêu cực của

22. Camille Froidevaux-Metterie, *sdd*, 2009, tr. 110.

23. Sébastien Fath, 2004, *sdd*.

tôn giáo dân sự Mỹ do những người bảo thủ Mỹ đưa ra. Hai tác giả này nhận xét Lacorne không thấy tính linh động uyển chuyển của tôn giáo dân sự Mỹ, nó có khả năng đoàn kết những người di cư với nguồn gốc rất khác biệt. Hai ông cũng cho rằng phải đứng vào tâm thế của những người di dân bị kì thị tôn giáo khắc nghiệt ở Châu Âu mới hiểu được khái niệm "vùng đất hứa" mà đại bộ phận người Mỹ đều tin.

4. Một vài nhận xét

4.1. Trước hết là vấn đề khái niệm. Tại sao "tôn giáo" và tại sao "dân sự"? Đây là vấn đề gây tranh cãi, bởi lẽ có tác giả như Warner từ năm 1961 đã dùng khái niệm "chủ nghĩa Mỹ" (Americanism) để chỉ một số nội dung mà Bellah đã trình bày. Martin Marty gọi tôn giáo dân sự là "tôn giáo nói chung" (religion in-general), Sidney Mead gọi là "tôn giáo của nền cộng hòa", Mathisen gọi đó là "một sự thờ cúng mang tính ngẫu tượng về quốc gia Mỹ"⁽²⁴⁾. Cho dù được gọi thế nào, các nhà nghiên cứu đều đồng ý đây là một thành tố của "chủ nghĩa Mỹ" và có lẽ để nói về tôn giáo dân sự nên sử dụng cụm từ của các nhà Khai sáng Châu Âu vào thế kỉ XVIII đã sử dụng, tuy dài dòng, nhưng chính xác hơn, đó là "*tôn giáo phổ quát siêu vượt về quốc gia*". Tuy nhiên, khái niệm sau này lại đặt ra một vấn đề mới: tôn giáo dân sự có mang tính phổ quát không?

4.2. Một trong những nguồn gốc của khái niệm tôn giáo dân sự là lí thuyết chức năng của Er. Durkheim khi ông muốn tìm nguồn gốc của tôn giáo qua một hình thức sơ khai và căn bản của tôn

giáo là tôn giáo vật tổ (totemisme) của các bộ tộc. Ông khám phá ra rằng thần của bộ tộc biểu hiện qua vật tổ chính là bộ tộc và tôn giáo là nhằm tạo ra sự liên đới, hội nhập các thành viên của một nhóm người, của xã hội. Sau này, T. Parsons cũng phát triển thêm chức năng hội nhập xã hội của tôn giáo. Trong viễn tượng chức năng luận, tôn giáo, kể cả tôn giáo dân sự, là một "sự kiện xã hội khách quan" có thể tìm thấy trong bất kì xã hội nào, dưới những hình thức khác nhau. Một số tác giả cho rằng các hình thức tôn giáo cổ đại của Hy Lạp, La Mã là những hình thức của tôn giáo dân sự. Đồng thời cũng rất nhiều bài viết xem Nho giáo hay Thần giáo của Nhật Bản (Shintoism) là những hình thức của tôn giáo dân sự. Nhưng cũng có nghiên cứu khẳng định nhiều quốc gia không có tôn giáo dân sự, ví dụ Canada.

4.3. Khái niệm tôn giáo dân sự của Mỹ cũng có thể rơi vào khủng hoảng, nếu một mai đây người Mỹ bầu lên làm tổng thống một người không thuộc một tôn giáo nào, hoặc là vô thần hoặc là bất khả tri. Nhưng điều này hiện nay khó xảy ra vì như Bellah ghi nhận có ý kiến: "Một tổng thống Mỹ hoặc phải đề cập đến Chúa hoặc chịu mất phiếu".

Tôn giáo không chỉ có chức năng hội nhập, đoàn kết con người trong xã hội mà còn có phản chức năng (dysfonction), chia rẽ con người. Cũng vậy, ngay trong tôn giáo dân sự Mỹ từ lâu tồn tại hai khuynh hướng: Khuynh hướng bảo thủ và khuynh hướng tiến bộ⁽²⁵⁾. Khuynh hướng bảo thủ nhấn mạnh nước Mỹ là

24. Mathisen, *bdd*, tr. 130.

quốc gia ngày nay được Chúa chọn, là "một Israel của thời đại chúng ta" và họ luôn trương lên khẩu hiệu: "Một dân tộc dưới sự hiện diện của Chúa". Điều này không nhằm chỉ một quốc gia thống nhất mà là quốc gia duy nhất, tốt nhất, lãnh đạo với sự phù trợ của Chúa. Trong những thập niên 60, 70 của thế kỉ XX, những người thuộc phái Êvangêlít, các phái toàn thủ (fondamentalisme) muốn hợp thức hóa cách linh thiêng chính quyền và các chính sách của Mỹ. Các lãnh tụ P. Robertson hay Jerry Falwell (thủ lĩnh của Đa Số Đạo đức – Morality Majority) luôn liên kết dân tộc Mỹ với Chúa trong các diễn ngôn của họ, nhuộm màu sắc của một chủ nghĩa dân tộc mang tính tôn giáo chiến đấu: "Chúng ta đừng quên chúng ta là một dân tộc của Chúa" hay "Nước Mỹ không phải là quốc gia tuyệt hảo, nhưng không nghi ngờ gì đó là quốc gia hùng mạnh nhất và có ảnh hưởng nhất thế giới. Chúng ta có nhân lực và tài lực để phúc âm hoá trong thế hệ của chúng ta...". Về khía cạnh kinh tế, khuynh hướng bảo thủ nhấn mạnh quyền tư hữu và chủ nghĩa tư bản của Mỹ.

Khuynh hướng tiến bộ trong tôn giáo dân sự Mỹ đề cập cách khác đến các giá trị tôn giáo. Một văn bản của khuynh hướng này viết: "Có hai cái nhìn khác nhau về nước Mỹ, một cái nhìn đặt cơ sở trên sự kiêu ngạo và mặc cảm tự tôn một cách giả dối. Còn cái nhìn kia dựa trên những nguyên tắc đạo đức và Kinh Thánh". Khuynh hướng tiến bộ này ít đề cập đến những vấn đề quốc gia mà là những vấn đề của con người nói chung. Và ngược lại với quan điểm biện minh sự can thiệp của Mỹ với lí do là "dân tộc

được chọn", khuynh hướng tiến bộ nêu lí do can thiệp là vì nước Mỹ có nhiều tài nguyên, đã gây nhiều vấn đề mà thế giới phải đối mặt và vì Mỹ là một thành phần trong cộng đồng các dân tộc do đó có nghĩa vụ giúp đỡ, làm nhẹ bớt những vấn đề của thế giới. Thay vì nhấn mạnh các giá trị Do Thái - Kitô giáo (judéo-chrétien), khuynh hướng này nhấn mạnh những quyền cơ bản của con người, những vấn đề giải trừ hạt nhân, nạn đói trên thế giới, vấn đề công lí và hoà bình. Đây là những vấn đề sinh tử của con người. Tuy nhiên, có khác biệt với các khuynh hướng nhân bản thế tục, khuynh hướng tiến bộ xem đức tin tôn giáo là động cơ, là sức mạnh và hi vọng để thực hiện những mục tiêu trên: "Thiết lập công bằng xã hội và kinh tế là mục đích của tất cả những người con của Chúa". Một cuộc điều tra trong tín đồ phái Presbyterian cho thấy 2/3 giáo dân đồng ý với lập luận: "Kiến tạo hòa bình không phải là một vấn đề thuần túy chính trị mà còn là một khía cạnh cơ bản của niềm tin Kitô giáo". Một cuộc điều tra khác trong hàng giáo sĩ Presbytarian về các mục đích ưu tiên của quốc gia Mỹ cho thấy mục đích đứng đầu là Mỹ phải là gương mẫu về tự do và công bằng cho tất cả các quốc gia khác, kể đến việc giảm cách biệt giữa nước giàu và nghèo. Mục tiêu phát triển chủ nghĩa tư bản Mỹ đứng cuối danh sách. Cũng trong cuộc điều tra này, 8/10 mục sư quan niệm sự hãnh diện quốc gia là một ngăn cản cho

25. Robert Wuthnow, *Divided We Fall: Two America's Civil Religions*, The Christian Century, April 20th, 1988, pp. 395-399. Các trích dẫn trong phần này dựa trên bài viết của Wuthnow.

công việc của các giáo hội Kitô giáo trên thế giới.

Tóm lại, M. Weber cũng đã đề cập đến hai chức năng "tư tế" và "tiên tri" của tôn giáo. Khuynh hướng bảo thủ đưa ra một cái nhìn về sự chúc lành của Thượng Đế cho dân tộc Mỹ, từ đó hợp thức hóa chính quyền và nền kinh tế Mỹ và để giải thích những tiêu chuẩn của lối sống xa xỉ và đạo đức của Mỹ. Ngược lại, khuynh hướng tiến bộ đặt lại vấn đề về lối sống Mỹ, xem xét các chính sách kinh tế, chính trị dưới cái nhìn quan tâm đến cái siêu việt và đòi hỏi người Mỹ phải hành động nhân danh con người chứ không phải vì quyền lợi của nước Mỹ.

4.4. Tính thời sự của vấn đề tôn giáo dân sự. Trong thời gian gần đây, ở Châu Âu, đặc biệt ở Pháp, với quan điểm của Tổng thống N. Sarkozy về "tính thế tục tích cực", cuộc tranh luận về tôn giáo dân sự được đẩy lên. Người ta đã bàn đến "Sự trở về của tôn giáo dân sự"⁽²⁶⁾? Hiện có hai khuynh hướng trái ngược nhau về khả năng của tôn giáo dân sự tại Pháp. Baubérot nhìn tôn giáo dân sự trong thế đối kháng với tính thế tục và ông cho rằng tính thế tục kiểu Pháp có đặc trưng là khước từ tôn giáo dân sự và ông phê phán "tính thế tục tích cực" của Sarkozy là một "quái vật: tôn giáo dân sự Mỹ theo kiểu Pháp"⁽²⁷⁾. Ngược lại, Willaime phê bình quan điểm của Baubérot về tôn giáo dân sự không thống nhất và mang tính ý thức hệ hơn là xã hội học. Willaime quan niệm phải đặt quan điểm của Sarkozy trong bối cảnh: so với Mỹ, nước Pháp từ cuộc Cách mạng 1789 hình như

"gặp một khó khăn đặc biệt khi phải biểu tượng hoá sự thống nhất quốc gia"⁽²⁸⁾ do thiếu một tôn giáo dân sự có khả năng liên kết các khuynh hướng khác nhau trong xã hội. Willaime cũng gợi ý về một khả năng tôn giáo dân sự ở Pháp "vừa có tính thế tục vừa mang đặc điểm Công giáo" (catholico-laïque) hay "đại kết - thế tục" (oecuménico-laïque)⁽²⁹⁾. Willaime đặc biệt nhấn mạnh phải xem tôn giáo dân sự như một công cụ nhận thức để nghiên cứu cách mà các xã hội, được tổ chức thành những cộng đồng chính trị, có khuynh hướng linh thiêng hóa việc sống chung với nhau (être-ensemble) thông qua những hiện tượng thành kính tập thể, qua hệ thống niềm tin và lễ thức.

Từ những tranh luận trên, trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu của Kim Định trước đây về một Việt Nho, Việt Đạo, quan niệm Việt Triết của Trần Văn Đoàn, hay những nhấn mạnh về các tín ngưỡng chung của người Việt như đạo thờ Trời, thờ những người có công với đất nước, thờ cúng Tổ tiên, hay việc lập ngày quốc lễ Giỗ tổ Hùng Vương có thể đặt trong một viễn tượng suy nghĩ về tôn giáo dân sự ở Việt Nam hay không?/.

26. "Le retour de la religion civile", *Réforme*, No 3149, 01/09/2005.

27. Jean Baubérot. *La laïcité expliquée à M. Sarkozy et à ceux qui écrivent ses discours*, Paris, Albin Michel, 2008.

28. Jean-Paul Willaime. *Pour une sociologie transnationale de la laïcité dans l'ultramodernité contemporaine*, ASSR, 146, 2/2009.

29. Jean-Paul Willaime. *La religion civile à la française et ses métamorphoses*, Social Compass, Vol. 40(4), 1993, pp. 571-560.